

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/DS-ST**
Ngày: 24-4-2019
*“V/v Tranh chấp về hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh
2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1976 (có mặt);
 2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1980 (có mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp 6 B, xã N T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 30/10/2017 âl, chị Huỳnh Thị Đ làm chủ hụi có mở 01 dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, chị tham gia 01 phần góp hụi sống đến tháng 9/2018 âl góp được 12 lần, mỗi lần kêu từ 500.000 đồng đến 860.000 đồng, chị phải góp số tiền vốn mỗi

tháng từ 1.140.000 đồng đến 1.500.000 đồng, chị tính bình quân góp mỗi tháng là 1.300.000 đồng x 12 tháng số tiền vốn chị góp 12 lần là 15.600.000 đồng, nếu như chị được lĩnh với số tiền là 24.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng ra chị thống nhất là chị Đ còn nợ chị số tiền hội vốn lãi là 18.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Huỳnh Thị Đ có trách nhiệm trả cho chị số tiền hội được lĩnh là 18.000.000 đồng, trả đủ trong thời hạn 01 tháng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/02/2019 và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Huỳnh Thị Đ trình bày như sau:*

Chị thừa nhận chị có làm chủ hội, vào ngày 30/10/2017 ã, chị có mở 01 dây hội loại 2.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, chị Th tham gia góp 01 phần, chị Th góp hội sống đến tháng 9/2018 ã được 12 lần thì do tay em không góp nên chị góp không nổi chị tuyên bố bỏ hội, khi đó chị Th góp số tiền vốn là 15.000.000 đồng, nếu như chị Th được lĩnh với số tiền là 24.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng, còn lại là 22.000.000 đồng. Nay do các tay em không góp hội nên chị không có khả năng trả cho chị Th theo số tiền hội được lĩnh là 24.000.000 đồng. Chị thống nhất theo ý kiến của chị Th là chị còn nợ tiền vốn lãi của chị Th là 18.000.000 đồng và hẹn trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân Đỗ Thị Th, số tay hội viên áp ngày 30/10/2017 ã, đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 05/12/2018 của nguyên đơn cung cấp.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Th yêu cầu chị Huỳnh Thị Đ trả cho chị số tiền hội được lĩnh là 18.000.000 đồng, trả đủ trong thời hạn 01 tháng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Đ thống nhất xác định theo ý kiến của chị Th là chị còn nợ tiền vốn lãi của chị Th là 18.000.000 đồng và hẹn trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Huỳnh Thị Đ trả tiền hội còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 6 B, xã N T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh

chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung: Xét về hợp đồng góp hui giữa chị Đỗ Thị Th và chị Huỳnh Thị Đ xác lập hợp đồng bằng văn bản (sổ tay hui viên), hui có lãi, chủ hui bà Đ lập danh sách những người tham gia góp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/ NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hui, biểu, phường.

[3] Xét khởi kiện của chị Đỗ Thị Th yêu cầu chị Huỳnh Thị Đ trả tiền hui còn nợ là 18.000.000 đồng là phù hợp với lời thừa nhận của chị Đ là có thật và thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị Th đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị Th, lời trình bày thừa nhận của chị Đ phù hợp về số lượng tiền hui mà chị Đ còn nợ chị Th số tiền là 18.000.000 đồng. Chị Đ đồng ý trả toàn bộ số tiền hui còn nợ chị Th, nhưng về thời gian và phương thức trả thì tại phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đ hẹn trả cho chị Th mỗi tháng 1.500.000 đồng, chị Th không đồng ý mà yêu cầu trả đủ trong thời hạn 01 tháng là không thống nhất với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, mà giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th. Buộc chị Huỳnh Thị Đ phải trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền hui còn nợ là 18.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc chị Huỳnh Thị Đ phải trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền hui còn nợ là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (18.000.000 đồng x 5%).

Chị Đỗ Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0005903 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/4/2019.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

Trần Văn Thảo